

# Bài 6: Truyện Kiều

---

## TIỂU SỬ TÁC GIẢ

Nguyễn Du, tự Tố Như, hiệu Thanh Hiên, biệt hiệu Hồng Sơn Liệp Hộ (nhà đi săn ở núi Hồng), là người làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

Ông thân sinh là Nguyễn Nghiễm, đậu Hoàng Giáp, làm chức Đại Tư Đồ, được phong tước Xuân Quận Công. Người anh trưởng là Nguyễn Khản, đậu Tiến Sĩ, làm đến Lại Bộ Thượng Thư, sung chức Tham Tụng, tước Toản Quận Công. Người anh thứ hai là Nguyễn Điều, đậu Hương Công, làm Trấn Thủ Sơn Tây, tước Điền Nhạc Hầu. Các chú bác và tổ tiên của Nguyễn Du nhiều người đỗ đạt lớn, quan chức cao. Có thể nói họ của Nguyễn Du nổi danh nhất về khoa hoạn trong thời Hậu Lê.

Trong số 18 con trai của Nguyễn Nghiễm, Nguyễn Du là người thứ bảy, và là con của bà trắc thất, người huyện Đông Ngạn, tỉnh Bắc Ninh.

Nguyễn Du sinh vào năm Ất Dậu (1765), năm Cảnh Hưng thứ 26, đời Lê Hiển Tông, tức là vào thời Lê mạt.

Ông thuở nhỏ rất thông minh, chỉ thụ giáo cha anh ở trong nhà, đỗ tam trường năm 19 tuổi.

Khi vua Quan Trung mang quân ra Bắc (1787), vua Lê Chiêu Thống bỏ chạy sang Tàu, ông đương giữ một chức quan võ tại Thái Nguyên. Không kịp theo vua sang Tàu, ông về quê vợ ở huyện Quỳnh Côi, tỉnh Thái Bình, mưu đồ việc can vương. Công việc không thành, ông lui về ở ẩn tại Tiên Điền, lấy thú săn bắn và ngâm vịnh làm vui.

Năm 1802, vua Gia Long thống nhất đất nước, xuống chiếu lục dụng các cựu thần nhà Lê trong số đó có Nguyễn Du. Đầu tiên, ông làm Tri Huyện Phụ Dực (nay thuộc tỉnh Thái Bình), ít lâu sau thăng Tri Phủ Thường Tín (Hà Đông). Năm 1804, ông cáo bệnh từ quan. Năm 1806, lại được triệu vào kinh, lĩnh chức Đông Các Đại Học Sĩ. Năm 1808, bổ ra làm Cai Bạ (tức Bố Chính) tỉnh Quảng Bình. Năm 1813, thăng làm Cần Chính Điện Đại Học Sĩ, sung chức chánh sứ sang Tàu. Khi trở về, được thăng chức Lễ Bộ Hữu Tham Tri (1814). Năm 1820, ông lại được cử sang sứ Tàu lần nữa, nhưng chưa kịp đi thì mất. Ông mất ngày mùng 10 tháng 8 năm Canh Thìn (1820), thọ 56 tuổi.

## Tác Phẩm

Phân Hán văn:

- *Thanh Hiên Tiên Tập*
- *Thanh Hiên Hậu Tập*
- *Nam Trung Tập Ngâm*
- *Bắc Hành Thi Tập*
- *Lê Quý Ký Sự*

Phân quốc văn:

- *Đoạn Trường Tân Thanh*
- *Văn Tế Thập Toại Chúng Sinh.*
- *Thác Lờ Trai Phường Nón*

## Tâm Tình, Huỳnh Hường Văn Nghệ

Cả nhà họ Nguyễn đã mấy đời phò Lê, lập được những chiến công hiển hách. Thời cuộc thay đổi Nguyễn Du lui về sống với quan niệm trung quân của mình, lấy săn bắn vui chơi lấy non nước làm trò tiêu khiển. Nguyễn Du chẳng những là một nhà trí thức mà còn là một nghệ sĩ tài hoa, giỏi cầm, kỳ, thi, họa. Nguyễn Du là một nhà chánh trị thất thế, luôn luôn trung thành với quan niệm “trung thần bất sự nhị quân”. Có lẽ vì vậy mà suốt đời, Nguyễn Du chẳng có lúc nào vui mà cứ buồn rầu, ân hận. Đây là yếu tố giúp cho chất thơ trữ tình của thi sĩ có sẵn trong người được phát triển mạnh mẽ, cấu tạo nên tác phẩm bất hủ, phản chiếu trung thành tâm trạng của tác giả qua các nhân vật chính. Cho nên, Nguyễn Du được xếp vào loại những nhà văn, thơ có khuynh hướng tình cảm và lãng mạn, nhưng tính chất lãng mạn ở đây khác với tính chất lãng mạn ở Tản Đà, và ở các thi sĩ hiện kim. Tính chất lãng mạn ở đây là sự nhu hòa cổ điển với lãng mạn.

## ĐOẠN TRƯỜNG TÂN THANH (TRUYỆN KIỀU)

### Nguồn Gốc Đoạn Trường Tân Thanh

Trước kia người ta cho rằng Nguyễn Du phỏng theo một truyện ngắn chép sự tích Vương Thúy Kiều của Dư Hoài ở tập sách *Ngũ Sơ Tân Chí* mà làm ra *Đoạn Trường Tân Thanh*. Theo *Ngũ Sơ Tân Chí*, thì Thúy Kiều chỉ là một con hát tầm thường, làm bạn với một người hào hiệp là La Long Vân, rồi sau lấy một tên giặc biển là Từ Hải; Từ Hải nghe lời Thúy Kiều ra hàng Hồ Tôn Hiến, mắc mưu bị giết; Thúy Kiều bị ép gả cho thô quan nên hối hận, hồ thẹn nhảy xuống sông Tiền Đường tự tử chết. Ngày nay người ta biết chắc rằng nguồn gốc trực tiếp của *Đoạn Trường Tân Thanh* là *Kim Vân Kiều Truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân. Sự tích của *Kim Vân Kiều Truyện* được giữ nguyên trong *Đoạn Trường Tân Thanh*. Chỉ khác là trong *Kim Vân Kiều Truyện* thì trình bày rườm rà, tỉ mỉ, lời văn nhiều đoạn thô lậu, kết cấu lỏng lẻo, rời rạc; còn trong *Đoạn Trường Tân Thanh* thì bố cục chặt chẽ, tình ý đậm đà, lời văn đẹp đẽ; thật là một công trình nghệ thuật hoàn hảo.

### LƯỢC TRUYỆN

Truyện gồm có 3254 câu thơ, trừ đoạn mở đầu và đoạn kết, có thể chia làm 6 hồi.

1. **Đoạn mở:** 1-38: Thuyết tài mệnh tương đố và tài sắc chị em Thúy Kiều.
2. **Đoạn I:** 39-528: Thúy Kiều, Thúy Vân đi chơi Thanh Minh cùng với Vương Quan, gặp má Đạm Tiên. Được Vương Quan kể cho nghe tiểu sử nàng ca kỹ nằm dưới mộ, Kiều làm thơ tặng Đạm Tiên. Lúc trở về, cả ba gặp Kim Trọng, một văn nhân, bạn đồng song với Vương Quan. Kiều và Kim Trọng để ý và bắt đầu yêu nhau. Về nhà, Kiều nghĩ đến thân thế Đạm Tiên mà lo cho đời mình sau này. Kim Trọng lại ở vườn Thúy. Hai bên gặp nhau thường, do đó gắn bó với nhau.
3. **Đoạn II từ 529-864:** Bỗng nhiên có tin nhà, Kim Trọng về hộ tang chú. Trong lúc đó, Vương Ông, thân sinh ra Kiều bị người bán tơ vu oan nên bị bắt. Muốn chuộc cha khỏi hàm oan, Kiều phải bán mình cho Mã Giám Sinh và theo hắn về Lâm Tri.
4. **Đoạn III từ 865-1274:** Mã Giám Sinh nói dối là cưới Kiều về làm thiếp nhưng kỳ thực hắn là tay sai của Tú Bà, chủ một thanh lâu. Biết được như thế, Kiều toan tự tận. Tú Bà dỗ Kiều cho ra ở lầu Ngưng Bích, và hứa sẽ tìm nơi xứng đáng gả cho. Trong lúc đó, Tú Bà âm mưu với Sở Khanh, để chàng này dẫn Kiều đi trốn. Nửa đường chàng quát “ngựa truy phong”, Tú Bà bắt Kiều về, buộc phải tiếp khách.

5. **Đoạn IV từ 1275-1992:** Ở thanh lâu được 3 năm, Kiều gặp Thúc Sinh và làm thiếp Thúc Sinh. Nhưng Hoạn Thư, vợ cả của Thúc Sinh hay được, sai Khuyển, Ưng bắt Kiều về hành hạ trước mặt Thúc Sinh.
6. **Đoạn V từ 1993-2736:** Kiều bỏ nhà Hoạn Thư trốn đi, đem theo chuông vàng khánh ngọc, đến tu tại chùa bà vải Giác Duyên. Giác Duyên cho Kiều sang ở nhà Bạc Bà, một tín đồ thường đi lễ chùa. Không ngờ Bạc Bà cũng là phường “buôn người” như Tú Bà, nên Kiều lại vào thanh lâu lần thứ hai. Ở đây, Kiều gặp một tướng giặc là Từ Hải. Hai người ăn ở với nhau, Kiều được dịp báo ân, báo oán. Triều đình phái Hồ Tôn Hiến dẹp giặc. Từ Hải mắc mưu bị giết. Kiều tự trầm ở sông Tiền Đường nhưng nhờ Giác Duyên vớt lên được.
7. **Đoạn VI từ 2737-3240:** Kim Trọng trở lại vườn Thúy mới hay gia cảnh của Kiều, rồi lấy Thúy Vân. Sau Kim Trọng cùng Vương Quan thi đỗ, làm quan, mới dò la tin tức Kiều. Nhờ Giác Duyên đưa đến chỗ Kiều ở; hai bên đoàn tụ.
8. **Đoạn Kết từ 3241-3254:** Trở lại thuyết tài mệnh tương đố và khuyên người ta nên giữ lòng lạnh.

## BÀI TRÍCH

### Tài Sắc Chị Em Thúy Kiều (Từ câu 15 đến câu 38)

*Đầu lòng hai ả tố nga,  
Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân.  
Mai cốt cách, tuyết tinh thần,  
Một người một vẻ, mười phân vẹn mười.  
Vân xem trang trọng khác vời,  
**Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang.**  
Hoa cười, ngọc thốt đoan trang,  
Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.  
Kiều càng sắc sảo mặn mà,  
So bề tài sắc lại là phần hơn.  
Làn thu thủy, nét xuân sơn,  
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.  
Một hai **ngiêng nước, nghiêng thành,**  
Sắc đành đòi một, tài đành họa hai.  
Thông minh vốn sẵn tính trời,  
Pha nghề thi họa, đủ mùi ca ngâm.  
Cung thương lầu bạc **ngũ âm,**  
Nghề riêng ăn đứt **hồ cầm** một trương.  
Khúc nhà tay lựa nên **xoang,**  
Một thiên bạc mệnh lại càng não nhân!  
Phong lưu rất mực **hồng quần,**  
Xuân xanh xấp xỉ tới tuần **cập kê.**  
Êm đềm trướng rủ, màn che,  
**Tường đông ong bướm** đi về mặc ai.*

## Chú Thích

- Tổ nga:* Con gái đẹp.  
*Mai cốt cách:* Ý nói đẹp mảnh khảnh như cây mai.  
*Tuyết tinh thần:* Tinh thần, tâm hồn trong trắng, ngây thơ.  
*Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang:*  
Tả tướng phúc hậu của Thúy Vân: mặt đầy tròn, lông mày đẹp như mày con ngài (nga mi) nhưng hơi to một chút.
- Nghiêng nước, nghiêng thành:*  
Ngoảnh lại một cái xiêu thành, ngoảnh lại cái nữa đổ nước, lấy ý ở câu thơ của Lý Diên Nên: “*nhất cố khuynh nhân thành, tái cố khuynh nhân quốc*”. Ở đây tả sắc đẹp của Kiều có thể làm cho các chàng trai điêu đứng. Khi gặp Thúc Sinh, Kiều đã làm cho chàng mê mẩn và Nguyễn Du hạ hai câu để nói đến sức mạnh của sắc đẹp:
- Lạ thay cái sóng khuynh thành,  
Là cho đổ quán, xiêu đình như chơi!*
- Ngũ âm:* Năm cung bậc trong âm nhạc Trung Hoa: cung, thương, giốc, chủy, vũ.  
*Hò câu:* Đàn của rợ hồ, đàn tì bà.  
*Xoang:* Điệu đàn.  
*Hồng quần:* Quần đỏ. Con gái bên Tàu hồi xưa mặc quần đỏ. Hồng quần bấy giờ có nghĩa là con gái.  
*Cập kê:* Tới kỳ cài trâm. Theo tục lệ Trung Hoa, con gái đến 15 tuổi thì cài trâm, tức là tới thời kỳ đi lấy chồng.  
*Tường đông:* Tường phía đông. Sách Mạnh Tử có câu: “*Du đông lân nhi lâu kỳ xử tử*”, nghĩa là: trèo qua nhà láng giềng đằng Đông để dụ dỗ con gái người ta.  
*Ong bướm:* Những đàn ong lượn qua lượn lại trước nhà con gái đẹp như ong và bướm lượn trước các đóa hoa.

## Đại Ý

Tả tài sắc chị em Thúy Kiều.

## Giải Thích Và Phê Bình

### Bố Cục

Đoạn thơ này chia ra làm ba đoạn:

1. Câu 15-18: Giới thiệu Kiều và Vân và nói chung về cái đẹp của hai nàng.
2. Câu 19-34: Tả cái đẹp và cái tài của từng người.
  - Câu 19-22: Sắc đẹp và đức hạnh của Vân.
  - Câu 23-34: Sắc đẹp và tài của Kiều.
3. Câu 35-38: Nếp sống kín đáo của chị em Kiều.

### Nội Dung

Khúc đoạn trường không phải bắt đầu từ khi Kiều gặp mô Đạm Tiên hay hội kiến cùng Kim Trọng. Ngay trong đường môi khóe mắt của nàng đã ẩn màu bạc mệnh. Hai chị em không giống nhau từ nhan sắc đến tính tình cho nên hai cuộc đời rồi cũng phải khác xa nhau. Vân đoan trang, thùy mị, phúc hậu nên hưởng hạnh phúc bên chồng, bên con:

*Thừa gia chẳng hết nàng Vân,  
Một cây cù mộc, một sân quế hòe.*

Trái lại, Kiều phải lưu lạc giang hồ vì sắc đẹp của nàng lộ liễu quá: đẹp đến nổi hoa ghen, liễu hờn huống gì là người! Có một sắc đẹp khuynh thành tức Kiều đã vấp vào định lệ “hồng nhan bạc mệnh” huống chi đây Kiều lại giỏi đủ nghề thi, họa, ca ngâm thì nàng tránh đâu cho khỏi luật thừa trừ của tạo hóa: tài mệnh tương đố. Chắc chắn Kiều sẽ gặp nhiều gian truân; hơn nữa, cả tương lai của nàng đã lộ trong khúc đàn bạc mệnh. Ta thấy Nguyễn Du rất khéo léo khi nói đến tài sắc Kiều vì cụ đã gián tiếp đề cập đến thuyết chủ yếu của truyện: định mệnh thuyết. Quả vậy, một Tây Thi đem làm vật hy sinh cho đế nghiệp của Việt Vương Câu Tiễn, một Chiêu Quân làm lễ mọn cho rợ Hồ, một Dương Quý Phi vùi thây nơi Mã Ngôi thì thật là:

*Mỹ nhân tự cổ như danh tướng  
Bất hứa nhân gian kiến bạch đầu.*

Nhưng tài ấy, sắc ấy của Kiều chỉ mới là những dấu hiệu báo trước cuộc đoạn trường. Tác giả còn sửa soạn rất nhiều trước khi cho Kiều sống mười lăm năm lưu lạc: nào gặp mô Đạm Tiên, quãng đời kết giao cùng Kim Trọng rồi mới đến chuyện thăng bán tơ gieo họa và “*có ba trăm lạng việc này mới xong*”. Vì vậy nên tác giả chép

đoạn thơ bằng những câu tả đời sống quý phái, kín cổng cao tường của Kiều. Để làm gì? Để cho tiếng đoạn trường sau này thêm ai oán.

Cảnh mờ Đạm Tiên được trình bày rất hợp lý. Buổi chiều tà như gieo vào lòng cô gái thanh xuân một mối buồn mông lung.

Mờ Đạm Tiên hiện ra như một lời báo trước kiếp bạc mệnh của Kiều. Mối thông cảm kỳ lạ giữa người xấu số và cô gái họ Vương một phần nào cũng do cảnh vật lúc ấy tạo nên. Nàng thương Đạm Tiên hay thương mình khi thốt ra câu:

*Đau đớn thay phận đàn bà,  
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung!?*

Có lẽ nàng thương mình nhiều hơn vì nàng tự cho mình là người đồng hội, đồng thuyền với kỹ nữ họ Đạm. Cảnh mờ Đạm Tiên lại như dàn trước, như chuẩn bị cho cảnh sơ ngộ giữa Kim và Kiều. Trách nào mối tình đẹp giữa hai người chẳng hóa ra:

*Chưa vui sum họp, đã sầu chia phôi!*



## BÀI TRÍCH

### Kiều Đi Thanh Minh Gặp Mả Đạm Tiên (Từ câu 39 tới câu 104)

Ngày xuân *con én* đưa *thoi*,  
*Thiều quang chín chục* đã ngoài sáu mươi.  
Cỏ non xanh rợn chân trời,  
Cành lê trắng, điểm một vài bông hoa.  
**Thanh Minh** trong tiết tháng ba,  
Lẽ là tảo mộ hội là **đạp thanh**.  
Gần xa nô nức **yến anh**,  
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân.  
Đập dìu **tài tử** giai nhân,  
Ngựa xe như nước áo quần như **nen**.  
Ngón ngang gò đồng kéo lên,  
Thoi vàng gió rắc, tro tiền giấy bay.  
Tà tà bóng ngả về tây,  
Chị em thơ thân dang tay ra về.  
Bước dần theo ngọn **tiểu Khê**,  
Nhìn xem phong cảnh có bề thanh thanh.  
Nao nao dòng nước uốn quanh,  
Dịp cầu nho nhỏ cuối ghènh bắc ngang.  
Sè sè nắm đất bên đường,  
Dàu dàu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.  
Rằng: “Sao trong tiết Thanh Minh,  
Mà đây hương khói vắng tanh thế mà?”  
Vương Quan mới dẫn gần xa:  
“Đạm Tiên nàng ấy xưa là ca nhi,  
Nổi danh tài sắc một thì,  
Xôn xao ngoài cửa thiếu gì yến anh!  
Phận hồng nhan có mong manh,  
Nửa chừng xuân thoát gậy **cành thiên hương**.  
Có người khách ở viễn phương,  
Xa nghe cũng nức tiếng nàng tìm chơi.  
Thuyền tình vừa ghé tới nơi,  
Thì đà trâm gãy bình rơi bao giờ!

Buồng không lạnh ngắt như tờ,  
Dấu xe ngựa đã rêu lờ mờ xanh.  
Khóc than khôn xiết sự tình,  
Khéo vô duyên ấy là mình với ta.  
Đã không duyên trước chẳng mà,  
Thì đây chút đỉnh gọi là duyên sau.  
Sấm xanh **nếp tử xe châu**,  
Vùi nông một nắm mặc dầu cỏ hoa.  
Trái bao **thổ lặn ác tà**,  
Áy mò vô chủ ai mà viếng thăm!”  
Lòng đâu sẵn mối thương tâm,  
Thoắt nghe Kiều đã đăm đăm **châu sa**:  
“Đau đớn thay phận đàn bà!  
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung.  
Phũ phàng chi bấy hóa công!  
Ngày xanh mòn mỏi má hồng phôi pha.  
Sống làm vợ khắp người ta,  
Hại thay! Thác xuống làm ma không chồng!  
Nào người **phượng chạ loan chung**,  
Nào người **tích lục tham hồng** là ai?  
Đã không kẻ đoái người hoài,  
Sẵn đây ta thấp một vài nén hương.  
Gọi là gặp gỡ giữa đường,  
Họa là người dưới suối vàng biết cho.”  
Lâm dầm khăn khứa nhỏ to,  
Sup ngòi đặt cỏ trước mồ bước ra.  
Một vùng **cổ áy** bóng tà,  
Gió hiu hiu thổi một vài bông lau.  
Rút trâm sẵn giắt mái đầu,  
Vạch da cây vịnh **bốn câu ba vần**  
Lại càng mê mẩn tâm thần,  
Lại càng đứng lặng tần ngần chẳng ra;  
Lại càng ủ dột nét hoa,  
Sầu tuôn đứt nối, châu sa vẫn dài.

## Chú Thích

- Con én đưa thoi:* Thời giờ thấm thoát thoi đưa, thoi hình chim én.  
*Thiều quang:* Ánh sáng mùa xuân.  
*Chín chục:* Ba tháng, ngoài sáu mươi chỉ nghĩa bước đầu sang tháng ba.  
*Thanh Minh:* Lễ viếng mộ người chết.  
*Đạp thanh:* Dẫm lên cỏ xanh, mùa xuân cỏ xanh non, người du xuân dẫm lên trên ấy gọi là đạp thanh.  
*Yến anh:* Chim Yến và chim Anh, hai thứ chim đẹp, ý nói tài tử giai nhân.  
*Tài tử giai nhân:* Trai và gái đẹp.  
*Nen:* Nen là một thứ cây thường mọc trên các đồi vùng Nghệ An, Hà Tĩnh, cành lá tươi tốt trông xa tựa như người đứng, áo quần như nen là nói quần áo đẹp.  
*Tiểu Khê:* Dòng suối nhỏ.  
*Cành thiên hương:* Cành hương của trời, chỉ người đàn bà đẹp.  
*Nếp tử xe châu:* *Nếp tử:* Áo quan làm bằng gỗ tử; *xe châu:* xe đưa đám ma, ý nói làm đám ma.  
*Thỏ lặn ác tà:* *Thỏ:* ngọc thỏ chỉ trăng; *ác:* con quạ chỉ mặt trời – ý nói thời gian qua lâu rồi.  
*Châu sa:* Nước mắt rỏ xuống như hạt châu. Ý nói Kiều khóc.  
*Phượng chạ loan chung:* Phượng loan là hai loài chim quý thường nói đến để ám chỉ đôi vợ chồng. Đây chỉ những người đã sống với Đạm Tiên.  
*Tích lục tham hồng:* Là tiếc sắc biếc, tham màu hồng; ám chỉ tình nhân của Đạm Tiên.  
*Cỏ áy:* Cỏ hơi héo.  
*Bốn câu ba vần:* Một bài thơ tứ tuyệt.

## Đại Ý

Ngày xuân chị em đi chơi trên đường trở về gặp má Đạm Tiên. Vương Quan kể lại cuộc đời của Đạm Tiên làm cho Kiều xúc động. Đoạn này tiếp theo đoạn tả tài sắc chị em Thúy Kiều.

## Giải Thích Và Phê Bình

### Bố Cục

Bài này bố cục như sau:

1. Từ câu đầu đến câu 12: Ngày xuân và quang cảnh người ta đi chơi xuân.
2. Từ câu 13 đến câu 22: Gặp mả Đạm Tiên.
3. Từ câu 23 đến câu 42: Câu chuyện về Đạm Tiên.
4. Đoạn chót: Tình cảm của Kiều đối với câu chuyện Đạm Tiên; Kiều xúc động.

### Phân Hình Thức

Ta nhận thấy rằng lối văn chương viết bằng lục bát là một lối văn có âm điệu nhiều nhất. Dù muốn dù không, các âm của những từ ngữ đều ăn khớp với nhau để phát ra âm điệu. Chính vì thế mà mỗi khi dùng câu văn lục bát để diễn tả một tình cảm, một câu chuyện thì lại rất khó mà điều khiển. Thường câu thơ đọc nghe rất kêu mà ý tứ trống rỗng.

Tuy nhiên đó là một điều khó khăn đối với ai kia chớ đối với Nguyễn Du thì không thể có được. Cụ đã dùng lối văn lục bát một cách tài tình, âm điệu dồi dào, chữ dùng chính xác và rất thích hợp.

Về phương diện từ ngữ, cụ đã dùng những chữ hết sức là gợi hình. Những chữ: *rợn*, *điểm* làm ta thấy rõ rệt hình ảnh màu sắc của mùa xuân.

Những chữ *dập dìu*, *ngổn ngang* làm ta thấy cái cảnh ngày hội thiên hạ đua chen nhau trảy hội. Chữ *thơ thần* dùng thật là thần tình nó diễn tả được cái trạng thái của người đi chơi xuân sau một ngày mệt nhọc.

Những chữ *nao nao*, *sè sè*, *dàu dầu* cho ta một cảm giác buồn man mác mông mênh tiếp xuống cái cảnh mộ hoang tàn rồi ta được nghe câu chuyện phũ phàng của cuộc đời người ca nữ. Người ta bảo Kiều khóc vì lãng mạn chớ thật ra dù chúng ta trong hoàn cảnh ấy chúng ta cũng thấy ứa lệ. Trong cái phong cảnh của buổi chiều tà ấy đã buồn lại thêm một câu chuyện buồn nữa thử nghĩ tâm tư ai mà không xáo trộn. Đó là nhờ những từ ngữ hết sức gợi hình.

Đến câu chuyện của Đạm Tiên tác giả bố cục hết sức chặt chẽ. Câu chuyện đi từ từ rất mạch lạc. Chỉ vồn vện có 19 câu, tác giả đã tuần tự kể lại cuộc đời người ca nữ. Đầu tiên tác giả trình bày tổng quát người nghệ sĩ tài hoa ấy rồi tiếp đến những nổi truyên chuyên của đời nàng.

Đoạn Thúy Kiều khóc cũng là một đoạn thần tình về âm điệu. Âm thanh réo rắt như oán như than.

## Phân Ý Tưởng

Toàn bài mới chợt xem, ta tưởng là một lối văn tả cảnh và kể chuyện, nhưng thật ra đoạn văn trên tràn trề tình cảm, mỗi ý tứ, mỗi hình ảnh là mỗi cảm tình của chính nhân vật và ngay cả đến người đọc.

Ngay đoạn tả mộ Đạm Tiên chỉ trong bốn câu mà tác giả đã vẽ hết cái hình ảnh của nấm mộ hoang tàn. Người ta thường bảo bốn câu tả mộ Đạm Tiên là một bức tranh tuyệt đẹp, nhưng theo chúng tôi nếu có một họa sĩ nào chuyển đạt bốn câu thơ thành tranh thì khi xem tranh ta vẫn không có cái cảm giác lúc đọc bốn câu thơ. Chính vì những câu thơ của Nguyễn Du hầu hết nặng đường tình cảm rất nhiều, bởi thế khi diễn lời thơ ra tranh ta không thể diễn hết được.

Ta nên nhớ rằng trong thơ của Nguyễn Du nhiều khi đọc ra chỉ thấy là một câu tả cảnh thôi, thế mà đúng ra phải có chút tình cảm thì ta mới hưởng hết được cái thi vị của câu thơ.

Ta hãy đọc thử hai câu sau:

*Dưới dòng nước chảy trong veo,  
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha.*

Đó là hai câu tả cảnh sau lúc Kim Kiều gặp nhau. Thật ra nếu chỉ có thế thì thơ không còn là thơ nữa. Đúng ra hai câu trên ít nữa cũng phải làm cho ta liên tưởng đến mối tình đầu của Kim Kiều. Mối tình trong sạch uyên chuyên thướt tha.

Đó là một trong nhiều ví dụ để ta thấy rằng Nguyễn Du đã dùng cảnh để lồng tình cảm vào đấy. Bởi thế khi nói đến một đoạn văn tình cảm, ta không nên chỉ nghĩ rằng trong ấy chỉ rặc là những lời than mây khóc gió không thôi. Nên nhớ rằng các cụ ta xưa rất thường bộc lộ tình cảm qua thơ tả cảnh.

Trong đoạn văn này tác giả kể chuyện Đạm Tiên là một cố ý chớ không phải tình cờ: Kiều gặp mộ Đạm Tiên rồi tác giả bịa ra câu chuyện của người ca nữ. Câu chuyện Đạm Tiên đã gián tiếp chứng minh luận đề của tác giả đưa ra ngay từ đầu câu chuyện.

*Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.*

Đạm Tiên vì có tài có sắc mà phải chịu một số mệnh hết sức phũ phàng. Chừng ấy tài, chừng ấy sắc lẽ ra nàng phải sống một cuộc đời hạnh phúc lắm chứ! Nhưng không, tạo hóa không chịu như thế, những kẻ có tài thì phải chịu truân chuyên.

Sự liên lạc giữa Đạm Tiên và Kiều hết sức là mật thiết. Ta có thể nói Đạm Tiên chính là hiện thân của nàng Kiều. Đạm Tiên đã trực tiếp thức tỉnh cho nàng Kiều cái số mệnh của nàng sau này: Tôi cũng tài hoa như nàng đây mà tôi phải chịu một số phận hẩm hiu như thế còn nàng, nàng cũng tài hoa liệu nàng có tránh khỏi như tôi không?

Nàng Kiều khóc cho Đạm Tiên chính là khóc cho nàng. Chính Kiều đã có linh cảm trước cuộc đời nàng rồi, bởi thế trong giây phút hiện tại vẫn có gì ám ảnh nàng làm cho nàng thường hay nghĩ đến viễn tượng xa xôi, sắp đến trong đời nàng.